

DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN KHOA TẠO HÌNH-THẨM MỸ

STT	MÃ	DANH MỤC KỸ THUẬT	Phân loại kỹ thuật
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ	
		1. Vùng xương sọ- da đầu	
1	2030.28.1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	T3
2	2030.28.2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	T3
3	2030.28.3	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật tại chỗ	T3
4	2030.28.4	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vật lân cận	T3
5	2030.28.9	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	T3
6	2030.28.10	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2cm trở lên	T3
		2. Vùng mi mắt	
7	2030.28.33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	T3
8	2030.28.34	Khâu da mi	T2
9	2030.28.35	Khâu phục hồi bờ mi	T3
10	2030.28.36	Khâu cắt lọc vết thương mi	T3
11	2030.28.62	Phẫu thuật giải phóng sẹo bong mi mắt	T3
12	2030.28.63	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da lành tính mi mắt	T3
13	2030.28.64	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	T3
		3. Vùng mũi	
14	2030.28.83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	T3
15	2030.28.84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	T3
16	2030.28.95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	T3
17	2030.28.96	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)	T2
		4. Vùng môi	
18	2030.28.110	Khâu vết thương vùng môi	T3
19	2030.28.111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	T3
20	2030.28.112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	T3
21	2030.28.132	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bong môi	T3
22	2030.28.133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	T3
23	2030.28.134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	T3
		5. Vùng tai	
24	2030.28.136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	T3
25	2030.28.137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	T3
26	2030.28.153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	T3
27	2030.28.154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	T3
28	2030.28.155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	T3
29	2030.28.156	Phẫu thuật tạo hình sẹo bong vành tai	T3
30	2030.28.157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	T3
31	2030.28.158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	T3
		6. Vùng hàm mặt cổ	
32	2030.28.161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	T3
33	2030.28.162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	T3
34	2030.28.163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	T3
35	2030.28.164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	T3
36	2030.28.167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	T3
37	2030.28.175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	T3
38	2030.28.176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	T3

39	2030.28.197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	T3
40	2030.28.198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	T3
41	2030.28.199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	T3
42	2030.28.200	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	T3
43	2030.28.202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	T3
44	2030.28.203	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da từ xa	T3
45	2030.28.204	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da vi phẫu	T3
46	2030.28.217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	T3
47	2030.28.218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	T3
48	2030.28.219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	T3
49	2030.28.220	Tiêm xơ dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	T3
50	2030.28.225	Cắt u phần mềm vùng cổ	T3
51	2030.28.226	Cắt nơvi sắc tố vùng hàm mặt	T3
52	2030.28.227	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	T3
53	2030.28.229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mặt	T3
		B. TẠO HÌNH VÙNG THÂN MÌNH	
54	2030.28.253	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	T3
55	2030.28.253	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	T3
56	2030.28.254	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	T3
57	2030.28.255	Phẫu thuật cắt vú to ở đàn ông	T3
58	2030.28.258	Cắt bỏ khối u da lành tính dưới 5cm	T2
		D. TẠO HÌNH VÙNG CHI TRÊN VÀ BÀN TAY	
59	2030.28.298	Phẫu thuật vết thương khớp bàn ngón	T3
60	2030.28.300	Cắt đáy ổ loét vết thương mãn tính	T3
61	2030.28.301	Nối gân gấp	T3
62	2030.28.302	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	T3
63	2030.28.304	Nối gân duỗi	T3
64	2030.28.305	Gỡ dính gân	T3
65	2030.28.306	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	T3
66	2030.28.316	Rút nếp vết và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	T3
	2030.28.349	D. TẠO HÌNH CHO VÙNG CHI DƯỚI	
67	2030.28.368	Cắt các khối u da lành tính dưới 5cm	T2